

Bản án số: 182/2025/HS-PT
Ngày: 16- 4 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long
ông Phùng Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Võ Quang H** cùng các bị cáo khác về các tội “Giết người”, “Gây rối trật tự công cộng”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Võ Quang H**, sinh ngày: 14 tháng 3 năm 2000; tại: **N, Quảng Nam**; nơi cư trú: **thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam**; Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Đăng D**, sinh năm 1973 và bà **Lê Thị Hồng H1**, sinh năm 1975; Bị cáo có vợ là **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 2002, có một con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**. Có mặt.

2. **Nguyễn Duy L**, sinh ngày: 24 tháng 01 năm 2000; tại **N, Quảng Nam**; nơi cư trú: **thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam**; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn T1**, sinh năm 1973 và bà **Võ Thị L1**, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q.

Bị cáo bị truy nã, sau đó ra đầu thú và bị tạm giam từ ngày 30/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; Có mặt.

3. Phạm Văn T2; sinh ngày 29 tháng 6 năm 2001 tại: N, Quảng Nam; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện N, Quảng Nam; Nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; (cha không rõ) con bà Ngô Thị T3, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 01/7/2016, bị Công an huyện N xử lý hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị truy nã, sau đó ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; Có mặt.

4. Trần Minh T4, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2002, tại: N, Quảng Nam; nơi cư trú: khối phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1964 và bà Võ Thị H2, sinh năm 1971. Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 27/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; Có mặt.

- Bị hại: Trần Minh T4, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2002; nơi cư trú: khối phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (đồng thời là bị cáo trong vụ án). Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Minh T4: ông Trần Văn Q, sinh năm 1964 và bà Võ Thị H2, sinh năm 1971; cùng trú tại: khối A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Quang H gồm: Luật sư Trần Văn M và Luật sư Đào Duy K – Văn phòng luật sư Đào Duy K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy L và Phạm Văn T2: Luật sư Bùi Bá D1 – Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: D N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/8/2020, Lương Thành N và một số người bạn của N đến dự tiệc khai trương tại quán N1 thuộc K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (quán này do Trần Minh T4 và Huỳnh V, sinh năm 1993, trú xã T, huyện N, chung vốn để kinh doanh). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lương Thành N và những người bạn của N đi đến Quảng trường N thuộc K, thị trấn N, huyện N dạo chơi. Khi đến

Quảng trường, N gặp một số người quen đang nhậu tại hành lang rào sắt sông A nên vào nhậu cùng. Lúc này, nhóm thanh niên gồm: Phạm Văn T2, Phạm Hồng V1, Nguyễn Trí T5, Huỳnh Văn T6, Trần Đình T7 cùng trú thôn H, xã T, huyện N; Nguyễn Duy L, Nguyễn Dương Anh T8, Võ Quang H cùng trú thôn Đ, xã T, huyện N; Phạm Tấn D2, Đỗ Hoàng H3 và bạn gái của H3 cũng đang tập trung tại khu vực phía trước nhà kính Quảng trường; khi Phạm Văn T2 nhìn thấy Lương Thành N là người cùng quê ở xã T nên T2 qua gặp N nói chuyện và cùng uống rượu. Lúc này giữa N với T2 xảy ra mâu thuẫn, có lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau. Sau đó, Lương Thành N gọi điện thoại cho Trần Minh T4 kể lại sự việc xảy ra mâu thuẫn giữa N với T2, khi nhận được điện thoại của Lương Thành N, Trần Minh T4 nghĩ rằng N đã bị Phạm Văn T2 đánh nên rủ Mai Ngọc T9, Châu Ngọc P cùng đi đến Quảng trường N để tìm T2.

Khi T4, T9, P đến Quảng trường thì gặp nhóm thanh niên gồm: Võ Quang H, Phạm Hồng V1, Nguyễn Dương Anh T8, Nguyễn Trí T5, Huỳnh Văn T6, Trần Đình T7, Đỗ Hoàng H3 và bạn gái của H3. Trần Minh T4 chỉ tay về phía nhóm của Võ Quang H và hỏi: “*thằng nào là Phạm Văn T2*”, T4 chỉ tay trúng vào mặt Võ Quang H, thì H nói lại “*tao là T2 đây*”. Vừa nói xong, H cùng với V1, T8, T5, T6 xông vào dùng tay, chân đánh nhau với T4, T9, P nhưng không có ai bị thương tích gì. Lúc này, Trần Minh T4 gọi điện thoại cho Phan Như Nguyên K1 kể lại việc T4 bị nhóm của H đánh và nói K1 chạy xuống Quảng trường, T4 vừa điện thoại cho K1 vừa chỉ tay về phía nhóm H và nói: “*tụi bây đứng hết ở đó*”, rồi T4, T9, P cùng đi về nhà của T9.

Lúc này biết là sẽ có đánh nhau nên Võ Quang H, Phạm Hồng V1, Nguyễn Dương Anh T8 cùng trao đổi, bàn bạc đi tìm, chuẩn bị hung khí để đánh nhóm của T4. Trao đổi xong, V1, T8, H điều khiển xe mô tô đi tìm hung khí, T8 và V1 về nhà T8 ở xã T lấy 02 (hai) con dao tự chế có đặc điểm giống nhau với chiều dài 69,5cm, cán bằng gỗ dài 34cm, diện tròn đường kính 2,7cm, lưỡi bằng kim loại diện rộng nhất 5,7cm, nhỏ nhất 0,3cm và 01 (một) ống tuýp sắt bằng kim loại màu trắng dài 72cm, diện tròn đường kính 2,2cm rồi quay lại Quảng trường; còn H điều khiển xe đi trên đường N tìm thấy một con dao có lưỡi bằng kim loại màu bạc dài khoảng 60cm, có cán diện tròn đường kính khoảng 03cm, loại gỗ bên trong đặc (*loại dao dùng để phát bờ*) và cũng quay lại Quảng trường.

Trong khi V1, T8 và H đi tìm hung khí thì T6 điều khiển xe đi về nhà, chỉ còn T5 và T7 ở lại tại khu vực Quảng trường. Lương Thành N dùng tay, chân đập phá xe mô tô BKS: 92L1- 4538 của Nguyễn Trí T5 để tại khu vực trước nhà kính Quảng trường. Đập phá xe của Thuật xong, N nhìn thấy nhóm của Phạm Văn T2 quay lại nên N gọi điện thoại thông báo cho T4 biết. Sau đó, N đi về nhà Trần Minh T4 để tìm gặp T4 nhưng không gặp T4. Khi thấy N đập phá xe mô tô của mình, Nguyễn Trí T5 gọi điện thoại thông báo cho V1 và H biết. Lúc này, V1, T8, H đem theo hung khí vừa quay lại khu vực nhà kính Quảng trường thì gặp Nguyễn Duy L, Phạm Văn T2 vừa đến. V1, T8 để dao tự chế, ống tuýp sắt chỗ gốc cây trên vỉa hè gần vị trí của nhóm V1 đang đứng, còn H để sẵn con dao bên hông xe mô tô của H nhằm mục đích đợi nhóm của T4 đến thì đánh nhau.

Đối với Phan Như Nguyên K1, khi nghe T4 gọi điện nói bị nhóm V1 đánh, K1 đến Quảng trường nhưng không gặp T4 mà nhìn thấy nhóm V1 đang đứng tập trung trên đường nhựa thì K1 gọi điện thoại cho T4 biết rồi K1 đi về. Lúc này, T4, T9 và P đang ở nhà T9 rủ nhau chuẩn bị hung khí rồi cùng đến Quảng trường để đánh nhóm của V1. Khi đi, T9 đem theo 01 một ống tuýp sắt dài khoảng 60cm, diện tròn đường kính khoảng 03cm đưa cho P, T9 cầm 01 cây kiếm tự chế và đưa cho T4 01 cây kiếm tự chế có đặc điểm giống nhau là bằng kim loại màu trắng dài 86cm, cán dài 19,5cm diện tròn đường kính 2,5cm, lưỡi kiếm độ dày nhất 0,5cm diện rộng của lưỡi 04cm, mũi nhọn; đồng thời, T4 rủ Nguyễn Bá H4 đi cùng thì H4 đồng ý. Sau đó, H4 điều khiển xe mô tô chở T4, T9, P cầm theo hung khí đi đến Quảng trường N.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi H4 chở nhóm của T4 đi đến dừng xe trước khu vực nhà kính Quảng trường, T4 cầm hung khí đi lại gặp nhóm V1 và nói: “*hồi này thằng nào đánh tao đâu*”, T4 vừa nói xong thì hai nhóm cầm hung khí xông vào đánh nhau. Khi đánh nhau, T4 cầm kiếm tự chế, T9 cầm kiếm tự chế, P cầm ống tuýp sắt; bên nhóm của V1 thì V1 cầm dao tự chế, T8 cầm dao tự chế, H cầm dao phát bờ. V1 và T8 đánh nhau với T4, còn H bị một người trong nhóm T4 chém nhưng tránh được rồi H cầm đoạn cây gỗ rượt đuổi đánh lại nhưng không đánh được. Lúc này, L bị T9 xông vào dùng kiếm tự chế chém trúng vào vùng trán một nhát. Sau một hồi đánh nhau thì nhóm của T4 thua thế, những người khác bỏ chạy, chỉ còn lại T4 cầm kiếm tự chế đánh nhau với V1 và T8. Nhìn thấy V1, T8 cầm kiếm tự chế đánh T4 thì L cầm 01 ống tuýp sắt (do V1 và T8 chuẩn bị trước đó) chạy lại đứng ở phía sau và chéch về bên trái của T4, L đánh một cái từ sau về trước hơi chéch từ trên xuống dưới trúng vào đầu của T4 làm T4 ngã quỵ xuống nền gạch, cây kiếm mà T4 cầm trên tay đã rơi xuống nền gạch. Khi T4 lom khom định đứng lên, ở tư thế mặt cúi xuống đất thì bị V1 dùng dao tự chế chém một nhát trúng vào phía sau cơ thể T4, T8 cũng dùng dao tự chế chém một nhát trúng vào phía sau cơ thể T4 làm T4 ngã xuống nền gạch trong tư thế nằm nghiêng về bên phải. V1 và T8 tiếp tục trở phần sống của lưỡi dao chém vào người T4 đến khi nhìn thấy T4 nằm bất động thì V1, T8 cầm dao và nhặt thêm cây kiếm của T4 để tiếp tục đuổi đánh những người khác trong nhóm T4, nhưng những người này bỏ chạy nên không đánh được. Lúc này, T2 nhìn thấy T4 đang nằm bất động trong tư thế ngửa người trên nền gạch, T2 đi lại tiếp tục dùng chân đá nhiều cái vào vùng hạ sườn bên phải của T4. Khi thấy T4 nằm bất động thì nhóm của T2 cầm hung khí rời khỏi hiện trường. Trần Minh T4 được Mai Ngọc T9 chở về nhà T9. Đến sáng ngày 09/8/2020, T4 được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Q cấp cứu, điều trị. Đến ngày 18/8/2020, Trần Minh T4 xuất viện.

Đối với Nguyễn Trí T5, khi nhóm của Võ Quang H đánh nhau với nhóm của Trần Minh T4 trong lần thứ hai thì T5 không tham gia, mà T5 sửa xe mô tô xong rồi nhờ Huỳnh Văn T6 đẩy xe T5 đi về nhà.

Quá trình điều tra, Phạm Hồng V1, Mai Ngọc T9, Nguyễn Dương Anh T8 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện N các hung khí (con dao, kiếm tự chế, tuýp sắt) đã sử dụng đánh nhau gây thương tích vào tối ngày 08/8/2022. Còn những hung khí khác mà các đối tượng sử dụng đánh nhau thì Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

* Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) con dao tự chế dài 69,5cm cán bằng gỗ dài 34cm diện tròn đường kính 2,7cm, lưỡi bằng kim loại diện rộng nhất 5,7cm, nhỏ nhất 03cm và 01 (một) ống tuýp bằng kim loại màu trắng dài 72cm diện tròn đường kính 2,2cm, do [Phạm Hồng V1](#) giao nộp;

- 01 (một) cây kiếm tự chế bằng kim loại màu trắng dài 86cm, cán dài 19,5cm diện tròn đường kính 2,5cm, lưỡi kiếm độ dày nhất 0,5cm diện rộng của lưỡi 04cm, mũi nhọn, do [Mai Ngọc T9](#) giao nộp;

- 01 (một) cây kiếm tự chế bằng kim loại màu trắng dài 86cm, cán dài 19,5cm diện tròn đường kính 2,5cm, lưỡi kiếm độ dày nhất 0,5cm diện rộng của lưỡi 04cm, mũi nhọn, do [Nguyễn Dương Anh T8](#) giao nộp;

- 01 (một) xe mô tô BKS: 92L1 - 4538 bị hư hỏng do [Nguyễn Trí T5](#) giao nộp. Sau khi tạm giữ phục vụ cho hoạt động điều tra, định giá tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trả lại chiếc xe này cho [Nguyễn Trí T5](#). (Bút lục: 37-40; 44; 256-258; 289-291).

* Kết quả giám định thương tích:

- *Kết quả giám định thương tích đối với [Trần Minh T4](#)*: tại Bản giám định thương tích số 304/GĐTT.20 ngày 21/8/2020 của [Trung tâm Pháp y tỉnh Q](#) kết luận [Trần Minh T4](#) bị thương tích 48% (cộng dật lùi). Tại Công văn số 73/GĐPY ngày 14/4/2021 của [Trung tâm Pháp y tỉnh Q](#) về tách tỉ lệ thương tích của [Trần Minh T4](#), thương tích chi tiết thể hiện như sau:

+ Phía sau gốc vành tai trái còn dấu thâm tím tụ máu lan tỏa dưới da diện rộng, trên diện thâm tím này có vết xát da không liên tục đã lành còn đóng vảy dài 2,1cm, rộng 1,5cm, sờ nắn bệnh nhân còn đau nhiều. Hiện tại ống tai ngoài bên trái khô sạch, thông thoáng, không có máu khô đọng (*Chấn thương sọ não gây nứt sọ chẩm trái, tụ máu ngoài màng cứng chẩm trái bề dày #5mm, tụ khí nội sọ*). Tỉ lệ thương tích là 16% (mười sáu phần trăm); *Vỡ xương đá trái, tụ khí sào bào chũm trái. Tỉ lệ thương tích là 16% (mười sáu phần trăm)*). Vết thương này do vật tày có diện giới hạn tác động gây nên, lực tác động mạnh. Hướng từ sau ra trước, từ trái sang phải;

+ Vùng hạ sườn hông phải còn dấu thâm tím tụ máu lan tỏa nhẹ dưới da. Trên diện thâm tím này ở cung trước các xương sườn VII, VIII có vết xát da đã lành còn đóng vảy dài 2,8cm; rộng 0,1cm (*Chấn thương bụng kín gây vỡ gan độ I: Tỉ lệ thương tích là 09% (chín phần trăm); Vỡ thận độ II: Tỉ lệ thương tích là 07% (bảy phần trăm)*). Sờ nắn vùng bụng phải còn tức nhẹ, bụng mềm, đại tiểu tiện được bình thường, nước tiểu màu vàng trong. Tổn thương này do vật tày có cạnh tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ phải sang trái, chéch từ trên xuống dưới;

+ Ngoài ra, [Trần Minh T4](#) còn bị vết rách, xát da tại các vùng: vai phải, cánh tay phải, vùng lưng, cổ tay trái, mào chậu phải, mông phải, khoeo chân phải với tổng tỉ lệ thương tích là 13% (mười ba phần trăm).

Tại Công văn 93/GĐPY ngày 17/6/2022 của [Trung tâm Pháp y tỉnh Q](#) xác định vật gây nên thương tích đối với [Trần Minh T4](#) như sau: *Chấn thương sọ não*

gây nứt sọ chẩm trái, tụ máu ngoài màng cứng chẩm trái bề dày #5mm, tụ khí nội sọ. Vỡ xương đá trái, tụ khí sào bào chũm trái. Vết thương này do vật tày có diện giới hạn tác động gây nên, lực tác động mạnh. Hướng từ sau ra trước, từ trái sang phải, có nhiều khả năng do ống tuýp bằng kim loại tác động gây nên. (Bút lục: 123 -146).

- Kết quả giám định thương tích đối với **Nguyễn Duy L**: tại Bản giám định thương tích số 18/GĐTT.21 ngày 13/01/2021 của **Trung tâm pháp y tỉnh Q** kết luận **Nguyễn Duy L** bị thương tích 02%, với vết rách da tại vùng trán trái đã lành sẹo. Ngày 09/12/2021, **Nguyễn Duy L** có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. (Bút lục: 215 -220).

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2024/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Duy L**, **Phạm Hồng V1**, **Nguyễn Dương Anh T8**, **Phạm Văn T2**, **Võ Quang H** phạm tội “Giết người” quy định tại điểm n, o khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Lương Thành N**, **Trần Minh T4**, **Mai Ngọc T9**, **Châu Ngọc P**, **Nguyễn Trí T5**, **Nguyễn Bá H4** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

1.2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Võ Quang H**, 10 (Mười) năm 6 (S) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/4/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy L**, 10 (Mười) năm 6 (S) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/12/2022.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2**, 9 (C) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/5/2023.

- Căn cứ điểm n, o khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Hồng V1**, 4 (B) năm 6 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Dương Anh T8**, 4 (B) năm 6 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2023.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trí T5**, 3 (Ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Lương Thành N**, 3 (Ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/7/2024.

+ Xử phạt bị cáo **Trần Minh T4**, 3 (Ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/10/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Mai Ngọc T9**, 2 (Hai) năm 6 (S) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/10/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Châu Ngọc P**, 2 (Hai) năm 6 (S) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/11/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá H4**, 2 (Hai) năm 6 (S) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/10/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 25/11 đến ngày 06/12/2024, các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2; Trần Minh T4; Nguyễn Trí T5** và bị cáo **Nguyễn Bá H4** có đơn kháng cáo về trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Nguyễn Trí T5** và bị cáo **Nguyễn Bá H4** có đơn xin rút đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **T5** và bị cáo **H4**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2; Trần Minh T4** đều giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về nội dung không áp dụng tình tiết định khung hình phạt phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo; không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2** và **Trần Minh T4**.

Người bào chữa cho các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2** trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh, không áp dụng các tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm n, điểm o, khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung Bản án sơ thẩm, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của các bị cáo các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2; Trần Minh T4**, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Kháng cáo của các bị cáo **Võ Quang H; Nguyễn Duy L; Phạm Văn T2; Trần Minh T4** là hợp lệ, trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo đã khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, lời khai nhận đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ, ngày 08/8/2020 tại khu vực Quảng trường thuộc **K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam**, nhóm của **Trần Minh T4** gồm có: **T4** cầm dao tự chế, **Mai Ngọc T9** cầm dao tự chế, **Châu Ngọc P** cầm tuýp sắt và được **Nguyễn Bá H4** điều khiển xe mô tô chở đến khu vực Quảng trường. Lúc này, nhóm của **Phạm Hồng V1** gồm có: **V1, Nguyễn Duy L, Phạm Văn T2, Nguyễn Dương Anh T8, Võ Quang H** cũng tập trung và chuẩn bị sẵn hung khí (dao, kiếm tự chế, cây gỗ, tuýp sắt) đợi nhóm của **T4** đến. Khi hai nhóm xông vào đánh nhau, **Nguyễn Duy L** bị **Mai Ngọc T9** chém vào vùng trán, thì **L** dùng tuýp sắt đánh vào vùng đầu của **Trần Minh T4** ngã quỵ nằm bất động; **Phạm Hồng V1, Nguyễn Dương Anh T8** dùng kiếm chém vào người **T4, Phạm Văn T2** dùng chân phải đá nhiều cái vào vùng bụng, ngực bên phải của **T4**. Hậu quả, **Trần Minh T4** bị chấn thương sọ não gây nứt sọ chẩm trái, vỡ xương đá trái, tụ máu sào bào chũm trái, chấn thương bụng kín làm vỡ gan độ I và vỡ thận độ II với tỉ lệ thương tích 48%; **Nguyễn Duy L** bị thương tích 02%, quá trình điều tra Lĩnh không yêu cầu khởi tố.

Với diễn biến hành vi và hậu quả nêu trên tại Bản án hình sự sơ thẩm đã xác định tội danh và tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Duy L, Phạm Văn T2, Võ Quang H** (cùng các bị cáo **Phạm Hồng V1, Nguyễn Dương Anh T8**) phạm tội “*Giết người*”; xác định tội danh và tuyên bố bị cáo **Trần Minh T4** (cùng các bị cáo **Lương Thành N, Mai Ngọc T9, Châu Ngọc P, Nguyễn Trí T5, Nguyễn Bá H4**), phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” là có căn cứ pháp luật.

[3]. Xem xét việc áp dụng pháp luật tại Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Với diễn biến vụ án, tính chất hành vi, hậu quả phạm tội như đã nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo phạm vào

tội “*Giết người*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*phạm tội có tổ chức*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua diễn biến vụ án cho thấy, do mâu thuẫn, giữa hai nhóm thanh niên rủ rê đánh nhau, chỉ có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, bàn bạc, phân công gì nhưng tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*phạm tội có tổ chức*” là không chính xác.

Đối với tội “*Gây rối trật tự công cộng*” tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên việc áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “*Có tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là không đúng, bởi lẽ hành vi đồng phạm của các bị cáo khi thực hiện hành vi gây rối chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết hoặc phân công một cách chặt chẽ.

[4]. Xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Võ Quang H**; **Nguyễn Duy L**; **Phạm Văn T2**; **Trần Minh T4**, Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã nhận định nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng pháp luật về tình tiết tăng nặng định khung chưa chính xác, mặt khác, đối với bị cáo **Võ Quang H**, tuy có khởi xướng, kích động đánh nhau với nhóm của **T4**, tuy nhiên, bị cáo **H** không có hành vi đánh chém gì đối với bị hại, không trực tiếp gây ra hậu quả cho bị hại **Trần Minh T4**; do vậy, cũng cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo **Nguyễn Duy L** tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm, tuy nhiên, do bị **Mai Ngọc T9** (nhóm của **T4**), dùng dao tự chế chém vào đầu trước nên cũng có phần ức chế và đã dùng ống tuýp sắt đánh lại **T4**, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và với nhận định về việc áp dụng pháp luật nêu trên, nên cũng cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo **Phạm Văn T2** tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm không trực tiếp gây ra hậu quả cho bị hại **Trần Minh T4** và với nhận định về việc áp dụng pháp luật nêu trên, nên cũng cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo **Trần Minh T4** vừa là bị cáo trong vụ “*Gây rối trật tự công cộng*” vừa là bị hại trong vụ án “*Giết người*”, tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm, bản thân bị thương tích nặng nên cũng cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Quang H**; **Nguyễn Duy L**; **Phạm Văn T2**; **Trần Minh T4**, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo các bị cáo **Võ Quang H**, **Nguyễn Duy L**; **Phạm Văn T2**; **Trần Minh T4** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo **Phạm Hồng V1**, **Nguyễn Dương Anh T8**, **Lương Thành N**, **Mai Ngọc T9**, **Châu Ngọc P**, **Nguyễn Trí T5**, **Nguyễn Bá H4**; xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Võ Quang H**, **Nguyễn Duy L**; **Phạm Văn T2**; **Trần Minh T4**, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 54, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Võ Quang H** 09 (chín) năm tù; về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/4/2023.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy L**, 09 (chín) năm, 06 (sáu) tháng tù; về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/12/2022.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T2**, 08 (tám) năm tù; về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/5/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Trần Minh T4**, 02 (hai) năm tù; về tội “Gây rối trật tự công cộng” Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/10/2023.

3. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo các bị cáo **Võ Quang H**, **Nguyễn Duy L**; **Phạm Văn T2**; **Trần Minh T4** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo **Phạm Hồng V1**, **Nguyễn Dương Anh T8**, **Lương Thành N**, **Mai Ngọc T9**, **Châu Ngọc P**, **Nguyễn Trí T5**, **Nguyễn Bá H4**; xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp thành phố tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Thi